

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày 06/4/2021.

Về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Linh**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: **Lê Thị sáu**.

2. Bà: **Phan Thị Hà**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Ka Hít** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà**-Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 215/2020/TLHNGĐ-ST ngày 26/10/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/02/2021; quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 330 Hàm Nghi, tổ 19, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (Có đơn đề nghị vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Ngô Thanh T., sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn 01, xã Lộc Ngãi, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện ngày 22/10/2020, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà T và ông T. quen biết tìm hiểu yêu đương nhau được 01 năm, sau đó đăng ký kết hôn UBND thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 04/5/2015. Hôn nhân là tự nguyện, được gia đình hai bên đồng ý và có tổ chức lễ cưới theo đạo công giáo. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2017 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế dẫn đến cãi nhau, mỗi khi mâu thuẫn xảy ra thì ông T. thường đánh đập bà T. Đến đầu năm 2018, bà T và con bỏ về nhà mẹ

ruột tại tổ 19, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm sinh sống cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn do vậy bà T xin được ly hôn với T..

- **Về phần con chung:** Bà T trình bày vợ chồng bà có 01 con chung là cháu Ngô Trần T. Kiệt, sinh ngày 17/4/2016. Ly hôn bà có nguyện vọng nhận nuôi con, yêu cầu ông T. cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng nuôi con từ tháng 01/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- **Về tài sản chung:** Vợ chồng tự thỏa thuận chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không đến làm việc nên không có bất kỳ lời trình bày nào.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà T và ông T. được ly hôn với nhau; giao con chung cho bà T nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, buộc ông T. cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ, cấp dưỡng từ tháng 01/2021 và buộc bà T phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Bà T có đơn đề nghị vắng mặt, ông T. vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên áp dụng khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

2. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T. tự nguyện kết hôn tại UBND thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 04/5/2015; hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc gì nên quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương thể hiện ông T. có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn 1, xã Lộc Ngãi; do ông T. làm nghề lái xe nên thường xuyên vắng nhà, thôn nhiều lần thông báo cho ông T. nhưng ông xin vắng mặt, vợ chồng bà T, ông T. thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn như thế nào thì thôn không rõ. Tòa án đã triệu tập ông T. nhiều lần nhưng ông T. không đến, điều này cho thấy ông T. bỏ mặc hôn nhân của mình, không muốn sống chung với bà T nữa. Xét thấy hôn nhân của bà T và ông T. đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 cần chấp nhận yêu cầu bà T, xử cho bà T và ông T. được ly hôn với nhau.

[2.2] Về con chung: Việc giao con cho ai cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con. Xét thấy con chung đang được bà T nuôi dưỡng, phát triển khỏe mạnh bình thường; ông T. là lái xe, không có thời gian cố định; bà T có nghề nghiệp, nơi ở và thu nhập ổn định và có nguyện vọng nuôi con. Do đó, để không làm xáo trộn nơi ở

và môi trường sống, học tập của các con nên cần tiếp tục giao con cho bà T nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông T. cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng là cao, chưa phù hợp. Hội đồng xét xử cần chấp nhận mức cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng, cấp dưỡng từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu Kiệt đủ 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[2.5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn, ông T. chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” với ông Ngô Thanh T., xử cho bà Trần Thị Thanh T và ông Ngô Thanh T. được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Trần T. Kiệt, sinh ngày 17/4/2016 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; ông T. có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng, cấp dưỡng từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu Kiệt đủ 18 tuổi.

“Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn cũng như việc thăm nom, chăm sóc con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.”

“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015”.

3. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Thanh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/004633 ngày 26/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (Bà T đã nộp xong); ông T. phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Bà T, ông T. được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng ⁽²⁾

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

- VKS huyện Bảo Lâm;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Các Đương sự;
- CC.THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND thị trấn Lộc Thắng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Linh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Hà

Lê Thị Sáu

Nguyễn Văn Linh